

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 88/2017/DS-ST

Ngày: 29-9-2017

“*V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Ngô Đức Kỳ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CN tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng Mơ – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017. Về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Thanh H - sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: K1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: K1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/. Ông Nguyễn Ngọc H – sinh năm 1960 (Có mặt).

2/. Anh Trịnh Minh Th – sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: K1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Vào ngày 20 – 7 – 2011, vợ chồng anh Trịnh Minh Th, chị Nguyễn Thị Th có thể chấp một quầy mua bán trái cây tại Chợ CN thuộc K1, thị trấn CN, huyện CN để vay của ông bà số tiền 20.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ, lãi suất hai bên tự thỏa thuận không ghi trong hợp đồng. Số tiền lãi được trả vào ngày 30 hàng tháng. Thời hạn vay là 01 năm. Đến năm 2014, anh Th và chị Th có trả lãi cho bà H, ông H được 01 lần với số tiền 300.000 đồng rồi tiếp tục không trả lãi đến khoảng tháng 5 năm 2016 anh Th, chị Th có trả lãi lần 02 được 300.000 đồng. Từ thời gian đó đến nay, anh Th và chị Th không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Vợ chồng bà H, ông H có đến đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh Th, chị Th xin gia hạn thời gian trả vốn và lãi vì H cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng ông H, bà Th thấy vậy nên đồng ý cho anh Th, chị Th trả nợ chậm; đồng thời các bên thống nhất không tính thời hạn vay là một năm như trước đây thỏa thuận trong hợp đồng. Nay bà H và ông H yêu cầu vợ chồng anh Th, chị Th trả số tiền vốn 20.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ số tiền lãi đã trả là 600.000 đồng. Ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét Hợp đồng thế chấp quầy ngày 20 – 7 – 2011 vì hiện tại quầy bán trái cây này không còn do bị giải tỏa xây dựng khu chợ mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CN đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, ông H đối với anh Th, chị Th. Buộc anh Th, chị Th trả cho ông H, bà H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất theo theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ số tiền lãi đã trả là 600.000 đồng.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20 – 7 – 2011, vợ chồng anh Trịnh Minh Th, chị Nguyễn Thị Th có thể chấp một quầy mua bán trái cây tại Chợ CN thuộc K1, thị trấn CN, huyện CN để vay của ông H, bà H số tiền 20.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ, lãi suất hai bên tự thỏa thuận không ghi trong hợp đồng. Số tiền lãi được trả vào ngày 30 hàng tháng. Thời hạn vay là 01 năm. Sau khi vay cho đến nay, vợ chồng anh Th, chị Th có trả lãi cho ông H, bà H được hai lần vào các năm 2014 và 2016 với tổng số tiền là 600.000 đồng. Khi đó, hai bên thỏa thuận để cho anh Th, chị Th gia hạn Th thời gian trả nợ mà không tính thời hạn vay là một năm như đã thỏa thuận trong hợp đồng vì H cảnh anh Th, chị Th đang gặp khó khăn. Tại phiên tòa, bà H, ông H yêu cầu anh Th, chị Th trả nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất theo Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định. Ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét Hợp đồng thế chấp quầy ngày 20 – 7 – 2011 vì hiện tại quầy bán trái cây này không còn do bị giải tỏa xây dựng khu chợ mới. Hội đồng xét xử

xét thấy quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó thì thời hiệu khởi kiện vụ án là vẫn còn theo quy định pháp luật. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại K1, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Vào ngày 20 – 7 – 2011, vợ chồng anh Th, chị Th có thể chấp một quây bán trái cây tại Chợ CN để vay của bà H, ông H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận. Từ ngày vay cho đến nay, anh Th và chị Th có trả cho ông H, bà H được 600.000 đồng tiền lãi. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết quây bán trái cây mà chị Th và anh Th đã thế chấp cho bà H và ông H có vị trí như sau: phía Đông giáp với quây ông Dương Văn Tho, phía Tây giáp với quây của ông Nguyễn Văn Phà, phía Nam giáp với quây của bà Nguyễn Thị Chính, phía Bắc giáp với quây của Phong Thương. Hiện tại, quây bán trái cây này không còn do đã bị giải tỏa để xây dựng lại khu chợ mới, quây Ki - ốt mới. Sau khi xây dựng khu Ki - ốt mới thì anh Th và chị Th được cấp 01 Ki - ốt mới với vị trí khác với quây bán trái cây trước đây, cụ thể phía Đông giáp với lối đi, phía Tây giáp với quây bà Huỳnh Thị Bạch, phía Nam giáp với quây Nguyễn Hg Liệt, phía Bắc giáp với quây ông Võ Văn Hải. Sau khi nhận Ki - ốt mới mua bán một thời gian thì anh Th và chị Th cũng sang nhượng quây lại cho chị Nguyễn Bích Ly. Hiện tại, anh Th và chị Th đi đâu địa phương không biết. Tại phiên tòa, ông H và bà H không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp quây vì hiện tại quây bán trái cây không còn. Ông H và bà H chỉ yêu cầu anh Th và chị Th trả nợ theo hợp đồng vay.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà anh Th và chị Th vay của bà H và ông H là thực tế có xảy ra, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quây ngày 20 – 7 – 2011 và Biên nhận nợ ngày 24 – 7 – 2017 có chữ viết và chữ ký của chị Th, anh Th. Sau khi vay tiền, chị Th và anh Th có trả lãi cho ông H và bà H hai lần với tổng số tiền là 600.000 đồng. Số tiền lãi còn lại và tiền vốn đến nay chưa trả. Do đó, việc bà H, ông H yêu cầu anh Th, chị Th trả nợ với số tiền vốn là 20.000.000 đồng và lãi suất theo theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tính từ thời điểm vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, trừ số tiền lãi đã trả là 600.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với anh Th và chị Th đã được triệu tập để tham gia hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 giữa các đương sự. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh Th, chị Th hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh chị đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia xét xử tại phiên tòa nhưng anh Th chị Th vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Th và chị Th. Anh

Th, chị Th vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu ông H, bà H.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CN là H toàn phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H, ông H đối với chị Th và anh Th là có cơ sở nên chấp nhận. Buộc anh Th và chị Th liên đới trả cho bà H, ông H số tiền vốn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đối với số tiền lãi được tính như sau: $0,75\%/tháng (9\%/năm) \times 74 \text{ tháng (làm tròn)} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 11.100.000 \text{ đồng}$. Anh Th, chị Th đã trả lãi được 600.000 đồng, đối trừ còn 10.500.000 đồng. Như vậy, anh Th và chị Th có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H tổng số tiền vốn và lãi là 30.500.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch là 1.525.000 đồng anh Th và chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị Thanh H đối với anh Trịnh Minh Th, chị Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Trịnh Minh Th, chị Nguyễn Thị Th trả cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị Thanh H số tiền 30.500.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Th và chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.525.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật. Ông H và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011178 ngày 12 – 4 – 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN. Bà H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông H, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THA DS Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhủ Khuyên